

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ DIỆU HÀ

NGÔN NGỮ THỂ HIỆN NHÂN VẬT TRẺ EM
TRONG MỘT SỐ BỘ TRUYỆN TRANH THIẾU NHI TIẾNG
VIỆT VÀ TIẾNG ANH THEO PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH
DIỄN NGÔN ĐA PHƯƠNG THỨC

Chuyên ngành: NGÔN NGỮ HỌC SO SÁNH ĐỐI CHIẾU

Mã số: 92290202.03

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Hà Nội - 2024

Công trình được hoàn thành tại:

.....

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. LÂM QUANG ĐÔNG

Phản biện:

.....

Phản biện:

.....

Phản biện:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia
chấm luận án

tiến sĩ họp tại

.

vào hồi giờ ngày tháng năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Giao tiếp không chỉ giới hạn trong ngôn ngữ (verbal mode), nó còn dựa vào các mô thức khác (non-verbal mode), ví dụ hình ảnh và âm thanh, để truyền đạt ý nghĩa. Việc sử dụng tích hợp các phương thức giao tiếp khác nhau như ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh, v.v. trong giao tiếp được gọi là đa phương thức (Van Leeuwen, 2011). Truyện tranh, tạp chí và trò chơi điện tử là những ví dụ về giao tiếp đa phương thức. Trong vài thập kỷ qua, rất nhiều công trình đã tập trung nghiên cứu vai trò và chức năng của hình ảnh trong các văn bản đa phương thức như quảng cáo, truyện tranh, sách giáo khoa và truyện tranh (Forceville, 1996; Kress và van Leeuwen, 2006; Painter, Claire, Martin và Unsworth, 2013). Tuy nhiên, theo Moya-Guajardo (2016), cần rất nhiều nghiên cứu để hiểu cách thức hình ảnh và ngôn ngữ kết hợp với nhau để tạo ra ý nghĩa trong các thể loại mà từ ngữ được đi kèm với các phương thức khác, ví dụ truyện tranh dành cho trẻ em.

Truyện tranh là một trong những hình thức kể chuyện được trẻ em và phụ huynh yêu thích nhất (Scholastic Corporation, 2016). Truyện tranh dành cho trẻ em tích hợp hệ thống ký hiệu ngôn ngữ và hình ảnh để trình bày một vấn đề. Truyện tranh cũng được coi là một phương tiện chính để học hỏi những điều cơ bản nhất như đọc chữ, và học văn học (Painter, Martin và Unsworth, 2013) hay những việc quan trọng hơn như truyền tải các chuẩn mực văn hóa, kì vọng, lí tưởng, giá trị và thái độ cho trẻ nhỏ (Cherland, 2006). Truyện tranh dành cho tranh ảnh nhiều không gian, vì vậy tranh ảnh cũng quan trọng như ngôn từ trong quá trình tạo nghĩa. Ngoài ra, các hình ảnh trong truyện tranh có thể giúp người đọc/ người xem hiểu được ý nghĩa của ngôn từ một cách trọn vẹn. Nói cách khác, nguồn ý nghĩa của ngôn ngữ và hình ảnh trong truyện tranh có mối quan hệ mật thiết trong việc truyền tải thông điệp của truyện.

Tuy nhiên, vì hầu hết các nghiên cứu chỉ tập trung vào nghĩa văn bản trong truyện, các nguồn bằng hình ảnh đôi khi bị bỏ qua. Để phân tích và diễn giải các phương thức giao tiếp khác nhau, một số khung lí thuyết đã được đề xuất. Ví dụ, Painter, Martin, và Unsworth (2013) và Moya Guijarro (2011) đã sử dụng ngữ pháp hình ảnh, bao gồm ba siêu chức năng (biểu hiện, tương tác và bố cục) do Kress và van Leeuwen (2006) phát triển trong *Reading Images*. Các nghiên cứu trước đây (ví dụ: Painter, Martin và Unsworth, 2013; Moya-Guijarro, 2011) nghiên cứu các siêu chức năng đã chỉ ra rằng có sự khác biệt khi người đọc tương tác với hai loại truyện: truyện có nhân vật người và truyện có nhân vật (động vật hoặc đồ vật) được nhân cách hóa. Những khác biệt này liên quan đến cách thức và mức độ tương tác giữa người đọc và nhân vật được khắc họa, cũng như giữa các nhân vật và các mô tả khác trong truyện tranh. Vì trẻ em là người đọc truyện nên chúng có thể cảm thông hoặc thờ ơ với các nhân vật được khắc họa. Những nhận thức sai lầm về các nhân vật trẻ em có thể dẫn đến những hệ quả lâu dài như giảm ý thức về giá trị bản thân và nhận thức hạn chế về khả năng, nguyện vọng cùng vai trò và hành vi được chấp nhận (Adams, Walker, và O'Connell, 2011; McCabe, Fairchild, Grauerholz, Pescosolido, và Tope, 2011; Santora, 2013).

Truyện tranh nói chung và hình ảnh trẻ em khắc họa trong truyện tranh nói riêng đóng vai trò to lớn trong việc hình thành và phát triển nhân cách trẻ (Bishop, 1992a, 1992b). Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay chưa có nghiên cứu nào tìm hiểu về cách thức nhân vật trẻ em được khắc họa qua ngôn từ và hình ảnh. Vì vậy, chúng tôi lựa chọn đề tài “*Ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong một số bộ truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh theo phương pháp phân tích diễn ngôn đa phương thức*” để thực hiện công trình luận án tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu đặt ra ba mục đích cơ bản như sau. *Thứ nhất*, phân

tích ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh. Ngôn ngữ thể hiện ở đây bao gồm ngôn ngữ (thể hiện bằng) ngôn từ và ngôn ngữ (thể hiện bằng) hình ảnh. *Thứ hai*, cách nhân vật này được đánh giá qua ngôn ngữ và hình ảnh cũng được phân tích. Từ đó, nghiên cứu nhằm làm rõ mối tương quan và tương tác giữa ngôn ngữ và hình ảnh được sử dụng để đánh giá trẻ em. *Thứ ba*, nghiên cứu so sánh cách thức nhân vật trẻ em được khắc họa qua ngôn ngữ, và đánh giá qua ngôn ngữ và hình ảnh trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh nhằm xác định những tương đồng và khác biệt (nếu có) giữa hai khối liệu.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ cơ sở lí luận và các phương pháp nghiên cứu chính để làm căn cứ cho việc phân tích ngôn ngữ thể hiện, ngôn ngữ và hình ảnh đánh giá nhân vật trẻ em và mối quan hệ giữa ngôn ngữ và hình ảnh đánh giá trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh;

- Khảo sát, mô tả, phân tích cách thức nhân vật trẻ em được khắc họa và đánh giá qua ngôn ngữ và hình ảnh trong truyện tranh tiếng Việt và tiếng Anh;

- So sánh, đối chiếu sự tương đồng và khác biệt về ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em, cũng như mối quan hệ giữa ngôn từ và hình ảnh thể hiện và đánh giá nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh.

3. Đối tượng, phạm vi và nguồn tư liệu nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án này là ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong truyện tranh (bao gồm cả ngôn ngữ miêu tả của tác giả truyện và lời thoại của các nhân vật trong truyện) và hình ảnh nhân vật trẻ em trong truyện.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án này tập trung vào phân tích a) ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong các truyện được lựa chọn, b) ngôn ngữ đánh giá

và hình ảnh đánh giá nhân vật trẻ em, và c) mối quan hệ giữa ngôn ngữ và hình ảnh đánh giá nhân vật trẻ em.

4. Phương pháp và thủ pháp nghiên cứu

4.1. Các phương pháp nghiên cứu chính trong luận án

4.1.1. Phương pháp định lượng và định tính

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích định lượng và định tính. Phân tích định tính cho phép phân tích sâu về các đặc điểm của nhân vật trẻ em trong truyện tranh, đưa ra được các xu hướng, cấu trúc và danh sách các chủ đề chính trong miêu tả nhân vật (ngoại hình, tính cách hay hành vi), cũng như đặc điểm ngôn ngữ đánh giá được sử dụng (tính ngữ thuộc tiểu mục Đánh giá và động ngữ thuộc tiểu mục Tác động) và mối quan hệ giữa ngôn ngữ và hình ảnh đánh giá. Trong khi đó, phân tích định lượng giúp tính toán và tìm ra sự giống và khác nhau của từng khía cạnh dùng trong khung khảo sát.

4.1.2. Phương pháp phân tích diễn ngôn đa phương thức

Theo Serafini (2012), việc phân tích một văn bản đa phương thức đòi hỏi nhà nghiên cứu phải dùng hai kiểu phân tích – một kiểu dành cho các yếu tố văn bản (chẳng hạn như phân tích ngôn ngữ) và một kiểu dành cho các yếu tố thay thế (chẳng hạn như hình ảnh). Vì vậy, theo phương pháp phân tích diễn ngôn đa phương thức, chúng tôi phân tích ngôn ngữ và hình ảnh thể hiện nhân vật trẻ em để tìm ra những đặc điểm về ngôn ngữ và hình ảnh khắc họa nhân vật này với các đặc điểm xã hội và liên nhân.

4.2. Phương pháp xây dựng và phân tích số liệu

4.2.1. Xây dựng khối liệu

Các bước thu thập và phân tích số liệu được tiến hành như sau:

1) chọn truyện; 2) nhận diện nhân vật trẻ em; 3) mã hoá

4.2.2. Phân tích khối liệu

4.2.2.1. Phân tích khối liệu phần văn bản

Phần phân tích khối liệu, đối với *ngôn ngữ thể hiện nhân vật*, nghiên cứu này sử dụng khung phân tích diễn ngôn phê phán của

Fairclough (2001) theo ba chiều. *Chiều thứ nhất* được gọi là văn bản, có thể là ngôn từ và hình ảnh. Việc phân tích ở cấp độ này được gọi là “cấp độ từ”. *Chiều thứ hai* là “thực hành diễn ngôn”, bao gồm việc tạo ra hoặc xây dựng văn bản, việc phân tích được thực hiện ở cấp độ văn bản. Ở *chiều thứ ba*, khối liệu được phân tích và giải thích ở mức độ chuẩn mực xã hội. Đối với *ngôn ngữ đánh giá nhân vật*, luận án sử dụng Thuyết đánh giá của Martin và White (2005) để phân tích tính ngữ thuộc tiểu mục Đánh giá (Appreciation) và động ngữ thuộc tiểu mục Tác động (Affect).

4.2.2.2. Phân tích khối liệu phần hình ảnh

Mỗi trang chứa hình ảnh nhân vật trẻ em đã được xem xét trên siêu chức năng liên nhân trong khung Ngữ pháp hình ảnh (Kress và Van Leeuwen, 2006) về thái độ đánh giá qua góc nhìn nhân vật.

4.2.2.3. Phân tích mối quan hệ giữa ngôn từ và hình ảnh

Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và hình ảnh trong đánh giá nhân vật trẻ em được phân loại theo các tiểu mục như *Khai triển*, *Mở rộng* và *Sự tăng cường và Phóng chiếu*.

5. Ý nghĩa lí luận và thực tiễn của luận án

Nghiên cứu này có những đóng góp về mặt lí thuyết và thực tiễn sau đây.

Về lí thuyết: Nghiên cứu này góp phần nâng cao hiểu biết về việc sử dụng khung lí thuyết PTDNPP và NPCNHT trong phân tích ngôn từ và hình ảnh, và cho thấy tính khả thi của những khung lí thuyết này trong việc phân tích các nguồn tài nguyên tạo nghĩa (meaning-making resources) khác nhau để hiểu sâu sắc hơn về các loại văn bản. Nghiên cứu cung cấp những phát hiện thực nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu hình ảnh trẻ em được khắc họa trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh theo hướng đa phương thức. Hướng tiếp cận này tương đối mới và theo hiểu biết của các tác giả, cho đến nay ở Việt Nam chưa có nghiên cứu nào theo cùng hướng với dữ liệu tương tự. Một đóng góp nữa về lí thuyết của luận án là xây dựng danh mục tiêu

chí chọn lựa tác phẩm phù hợp với độ giả nhỏ tuổi nhằm mang lại những giá trị phù hợp với lứa tuổi.

Về thực tiễn: Truyện tranh là một nguồn giải trí và phát triển các giá trị đạo đức cho trẻ em. Chúng tôi muốn góp một tiếng nói để đánh giá những vấn đề không tương thích, không phù hợp giữa ngôn từ và hình ảnh trong truyện tranh tiếng Việt và tiếng Anh phổ biến có mặt trên thị trường Việt Nam hiện nay. Qua đó, luận án đóng góp ý kiến và cơ sở khoa học để cải tiến chất lượng, nâng cao tính giáo dục và hiệu quả của truyện tranh về văn hóa và ngôn ngữ đối với sự phát triển của trẻ. Nghiên cứu cũng mong muốn đề xuất điều chỉnh những yếu tố không phù hợp của truyện tranh nước ngoài/ tiếng Anh du nhập vào Việt Nam hiện nay cũng như những điểm chưa phù hợp của chính truyện tranh tiếng Việt. Nghiên cứu cũng đưa ra những gợi mở về cách khai thác văn bản đa phương thức này trong việc giáo dục đối tượng độ giả nhỏ tuổi.

6. Bố cục của luận án

Chương 1: Cơ sở lí luận của luận án

Chương 2: Ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh

Chương 3: Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và hình ảnh đánh giá nhân vật trẻ em trong truyện tranh tiếng Việt và tiếng Anh.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÍ LUẬN CỦA LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trên thế giới và trong nước

Có rất nhiều nghiên cứu theo hướng đa phương thức như diễn ngôn học thuật trong diễn ngôn toán học (O'Halloran, 2004; Nhat, 2017b), hay sách giáo khoa (Salbego, Hberle, và Balen, 2015; Silva, 2016; Unsworth và Ngo, 2014, 2015). Ở một số nghiên cứu khác, cách tiếp cận đa phương thức được dùng để minh họa cho mục đích giải trí như video ca nhạc (Brady, 2015), tiểu thuyết đồ họa (graphic novel) (Rajendra, 2015), hoặc quảng cáo (Hien, 2015). Trong truyện tranh

thiếu nhi, nghiên cứu đa phương thức có thể kể đến những nghiên cứu các siêu chức năng biểu ý và liên nhân trong truyện tranh (Budi Hermawan and Sukyadi, D., 2017; Mohammad, Z., Leila, D. và Elnaz M. P., 2019) cũng như mối quan hệ giữa hình ảnh và ngôn từ trong văn học trẻ em (Maria K., Vasilina Ch, Maria P. and Fotini B., 2021). Về nhân vật trẻ em trong văn học trẻ em, có thể kể đến các nghiên cứu của Nguyễn Thị Đài Trang (2013), Nguyễn Thị Thơm (2013) hay Lê Bích Nguyệt (2014) và Nguyễn Thị Thanh Hương (2015) về các khía cạnh khác nhau như ngoại hình, miêu tả tính cách, hành động của nhân vật hay miêu tả trạng thái tâm lý nhân vật (Nguyễn Thị Đài Trang, 2013), hoàn cảnh xuất thân, cuộc đời và số phận (Nguyễn Thị Thơm, 2013) hay ngoại hình nhân vật, ngôn ngữ nhân vật và tâm lí nhân vật (Lê Bích Nguyệt, 2014) và loại hình nhân vật thiếu nhi (Nguyễn Thị Thanh Hương, 2015).

1.2. Cơ sở lí luận của luận án

1.2.1. Phân tích diễn ngôn phê phán

Ba chiều của khung phân tích có thể được tóm tắt như sau:

- *Phân tích văn bản (Mô tả)*: Khía cạnh này tập trung vào việc kiểm tra các đặc điểm ngôn ngữ của diễn ngôn, bao gồm ngữ pháp, từ vựng và các phương tiện tu từ. Bằng cách phân tích văn bản (cả cấp độ ngôn từ và hình ảnh), các nhà nghiên cứu có thể xác định các mô hình, ẩn dụ và các chiến lược ngôn ngữ khác được sử dụng để truyền đạt ý nghĩa và hệ tư tưởng cụ thể.

- *Thực hành diễn ngôn (Diễn giải)*: Khía cạnh này khám phá các thực tiễn và quy trình xã hội xung quanh việc tạo ra, truyền tải và tiếp nhận diễn ngôn. Nó xem xét cách thức ngôn ngữ được sử dụng trong các bối cảnh khác nhau và mối quan hệ quyền lực như thế nào được thể hiện trong những tương tác này.

- *Thực tiễn xã hội (Giải thích)*: Khía cạnh này đi sâu vào các yếu tố thể chế và xã hội rộng lớn hơn có ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi diễn ngôn. Nó xem xét cách ngôn ngữ góp phần định hình và duy

tri các cấu trúc xã hội, hệ tư tưởng và động lực quyền lực.

1.2.2. Ngữ pháp chức năng hệ thống

Ngữ pháp chức năng hệ thống (NPCNHT/Systemic Functional Linguistics SFL) với tư cách là một mô hình toàn diện và mạnh mẽ về lý thuyết được ứng dụng trong nghiên cứu lẫn thực tiễn về những vấn đề mà chúng ta đang đối diện hàng ngày trong xã hội hiện đại thông qua việc sử dụng ngôn ngữ. Halliday (1978) cho rằng mỗi tín hiệu ngôn ngữ phục vụ ba siêu chức năng đồng thời:

- Siêu chức năng biểu ý (ideational metafunction): tín hiệu ngôn ngữ thể hiện điều gì đó về thế giới;
- Siêu chức năng liên nhân (interpersonal metafunction): tín hiệu ngôn ngữ định vị mọi người trong mối quan hệ với nhau;
- Siêu chức năng ngôn bản (textual metafunction): tín hiệu ngôn ngữ tạo thành các liên kết với các dấu hiệu khác để tạo ra văn bản mạch lạc.

1.2.2.1. Ngôn ngữ đánh giá

Thuyết Đánh giá do James Martin đưa ra vào đầu những năm 1990 là một phần mở rộng của Ngôn ngữ học chức năng hệ thống của Halliday, xem xét các từ vựng đánh giá thể hiện ý kiến của người nói hoặc người viết theo thông số *tích cực/ tiêu cực*. Việc đánh giá bao gồm ba góc độ *Tham gia* (Engagement), *Thái độ* (Attitude) và *Thang độ* (Graduation). Trong nghiên cứu này, tác giả phân tích ngữ liệu ngôn bản theo khía cạnh thứ 2, *Thái độ* (Attitude). Trong hệ thống *Thái độ*, một yếu tố trung tâm của khung Đánh giá, bao gồm ba loại: *Tác động*, *Đánh giá* và *Phân xét* (Martin và White, 2005). *Tác động* đề cập đến các nguồn ngôn ngữ để thể hiện cảm xúc. *Đánh giá* và *Phân xét* bao gồm các nguồn ngôn ngữ để đánh giá hành vi của mọi người.

1.2.2.2. Ngữ pháp hình ảnh

Mục đích của nghiên cứu này là phân tích ý nghĩa liên nhân trong sách truyện của trẻ em để tìm hiểu cách người đọc (trẻ em) tiếp

xúc với những tham thể trình diện (represented participants). Siêu chức năng này được tạo thành từ ba thành phần bao gồm *tiếp xúc*, *khoảng cách xã hội* và *thái độ*.

1.2.2.3. Mối quan hệ giữa hình ảnh và ngôn từ

Có một số phân tích đa phương thức theo hướng chức năng hệ thống về mối quan hệ hình ảnh-văn bản trong đó mô tả về mối quan hệ giữa các yếu tố hình ảnh và ngôn từ trong truyện tranh theo các phân loại: *khai triển* (elaboration), *mở rộng* (extension) và *tăng cường* (enhancement). Hơn nữa, *Dị biệt* (Divergence), một loại mối quan hệ hình ảnh-văn bản cơ bản trong truyện tranh, cũng cần được nghiên cứu kỹ lưỡng.

1.3. Hướng tiếp cận của luận án

Trong phần *ngôn ngữ*, để tìm hiểu ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em, chúng tôi sử dụng khung PTDNPP của Fairclough (1996) để phân tích tính ngữ và động ngữ thể hiện nhân vật trẻ em về khía cạnh: *ngoại hình*, *hành động* và *trạng thái*, *cảm xúc* và *tính cách*. Sau đó, những nội dung liên quan đến yếu tố văn hoá được phân tích để làm nổi bật lên cách nhân vật trẻ em được khắc họa qua ngôn từ và bối cảnh. Tiếp theo đó, ngôn ngữ đánh giá nhân vật được phân tích dựa trên thuyết Đánh giá của Martin và White (2005). Nghiên cứu tập trung vào hệ thống Thái độ. Nguồn lực *Đánh giá* trong ngôn ngữ được phản ánh bởi tính ngữ thuộc tiểu mục Đánh giá, trong khi nguồn lực ngôn ngữ thể hiện vai trò *Tác động* thể hiện rõ qua những động ngữ. Vì vậy, các tác giả phân tích những *tính ngữ* đánh giá nhân vật trẻ em trên những khía cạnh như *nguồn xuất phát của đánh giá* (cha mẹ/ thầy cô/ người lớn tuổi, bạn bè hoặc bản thân trẻ em), *những khía cạnh của nhân vật trẻ em được đánh giá* (ngoại hình, tính cách hay hành vi phù hợp với xã hội) và *tính tích cực/ tiêu cực của những đánh giá* này. Với hệ thống *Tác động*, các tác giả nghiên cứu *động ngữ* đánh giá nhân vật trẻ em trên các khía cạnh *nguồn tác động* (bên ngoài/ tự thân), *tính tích cực/ tiêu cực* của những hành động này và *cảm xúc chịu tác động* (Sự

mong muốn/ Miễn cưỡng, Hạnh phúc/ Không hạnh phúc, Sự an toàn/ Bất an, Sự hài lòng/ Không hài lòng)

Trong phần hình ảnh, phương pháp hiện thị thái độ là góc độ nhìn nhận nhân vật trẻ em. Ở góc ngang, góc độ tích cực thể hiện thái độ của cả hai bên tham gia tương tác. Nếu ở góc chính diện, nó có thể tiết lộ sự tham gia của người xem với những tham thể. Trong trường hợp góc xiên, quan hệ giữa nhân vật và người đọc/ xem là tách rời; người xem có thể không thấy sự liên quan giữa họ với tham thể (nhân vật trẻ em). Thái độ tham gia có thể tăng cường hơn nữa liên minh giữa những người tham gia tương tác/ người đọc/ xem và nhân vật trẻ em. Ở góc dọc, góc nhìn cao thể hiện nhà sản xuất hình ảnh trao nhiều quyền hơn cho người tham gia tương tác, góc nhìn ngang tầm mắt thể hiện thái độ bình đẳng, góc nhìn thấp thể hiện nhà sản xuất hình ảnh trao ít quyền cho người tham gia tương tác.

Cuối cùng, *mối quan hệ giữa ngôn ngữ đánh giá và hình ảnh đánh giá* nhân vật trẻ em được nghiên cứu theo các phân loại: *khai triển (elaboration)*, *mở rộng (extension)* và *nâng cao/ phóng chiếu (enhancement/ projection)*.

1.4. Tiểu kết

Chương này nhằm tìm hiểu tình hình nghiên cứu những nội dung liên quan đến ngôn ngữ đánh giá, nghiên cứu đa phương thức và truyện tranh thiếu nhi, cũng như cơ sở lý luận của luận án cũng giới thiệu những khung lý thuyết mà tác giả dùng trong luận án. Chúng tôi cũng tìm hiểu về mối quan hệ giữa ngôn từ và hình ảnh, phân loại các mối quan hệ này theo khung NPCNHT như: *Khai triển, mở rộng, và nâng cao và phóng chiếu*.

CHƯƠNG 2: NGÔN NGỮ THỂ HIỆN NHÂN VẬT TRẺ EM TRONG TRUYỆN TRANH THIẾU NHỊ TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

2.1. Ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt

Thống kê cho thấy động ngữ và tính ngữ miêu tả hành động và trạng thái nhân vật trẻ em trong truyện tranh tiếng Việt tương đối phong phú về số lượng và ý nghĩa. Một đặc điểm nổi bật trong khối liệu tiếng Việt là có rất nhiều ngữ láy thể hiện các sắc thái biểu cảm khác nhau của nhân vật trẻ em ví dụ như một số động ngữ láy bao gồm *lầm bầm, lấp bắp, mân mê, ngân nga, lang thang, nháy nhót*, và *hậm hực*; và một số tính ngữ láy như *háo hức, vội vã, lén lút* và *rầu rĩ*. Và một điểm đặc biệt là trong khối liệu tiếng Việt có tương đối nhiều tính ngữ miêu tả tiêu cực, ví dụ: *xấu, xấu xí, hư, tự tiện, dối trá, ngu ngốc*.

2.2. Ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Anh

Kết quả thống kê cho thấy, không nhiều động ngữ và tính ngữ miêu tả nhân vật trẻ em trong các truyện tiếng Anh. Một điểm đáng chú ý là những động ngữ và tính ngữ miêu tả này phần lớn mang nghĩa tích cực.

2.3. Đối chiếu ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh.

Điểm giống nhau nổi bật nhất có thể kể đến là nhân vật trẻ em được miêu tả theo nhiều cách khác nhau với phong phú các những tính ngữ và động ngữ. Những ngữ được sử dụng để miêu tả cũng giống nhau. Ví dụ như với hành động *khóc*. Có thể thấy rằng trong khi tiếng Anh chỉ dùng ngữ *cry* để miêu tả hành động khóc của nhân vật, thì tiếng Việt dùng 6 ngữ khác nhau: *khóc, khóc lóc, mè nheo, méo máo, nức nở* và *mít ướt* để cùng nói về hành động này. Những ngữ đồng nghĩa này trong tiếng Việt đều rất nhiều sắc thái biểu cảm, thể hiện những cung bậc cảm xúc khác nhau. Ngoài hiện tượng phong phú về các sắc thái biểu cảm hơn, ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong khối liệu tiếng Việt cũng thể hiện thông qua hàm ngôn, hơn là hiển ngôn.

Tiểu kết

Có thể thấy rằng ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh đều tương đối phong phú, với các động ngữ và tính ngữ tập trung nhiều vào miêu tả tính cách/ cảm nhận và hành động, trạng thái hơn là ngoại hình của nhân vật. Trong khi ngôn ngữ thể hiện nhân vật này trong tiếng Việt giàu sắc thái biểu cảm, mang tính hàm ngôn và nhiều hiện tượng ngữ láy thì khối liệu tiếng Anh cho thấy rằng ngôn ngữ mang tính hiển ngôn, trực tiếp và rõ ràng.

CHƯƠNG 3: MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÔN NGỮ VÀ HÌNH ẢNH ĐÁNH GIÁ NHÂN VẬT TRẺ EM TRONG TRUYỆN TRANH THIẾU NHI TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

3.1. Ngôn ngữ đánh giá nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh

3.1.1. Tính ngữ thể hiện nhân vật trẻ em thuộc tiêu mục Đánh giá trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh

3.1.1.1. Tính ngữ thể hiện nhân vật trẻ em thuộc tiêu mục Đánh giá trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt

Một khía cạnh đáng chú ý là các tính ngữ thể hiện nhân vật trẻ em mang tính tích cực và tiêu cực khá cân bằng. Điều này có nghĩa là nhân vật trẻ em được đánh giá tương đối trung tính, có điểm tốt và có những điểm chưa tốt. Về khía cạnh đánh giá, có thể thấy phần lớn các đánh giá về nhân vật trẻ em là đánh giá về hành vi, chiếm 56%, gấp hơn 2 lần những đánh giá về tính cách, ở mức 26%. Và cuối cùng, những đánh giá về ngoại hình của nhân vật trẻ em (về quần áo, diện mạo) chỉ xuất hiện 9 lần, chiếm 18%. Kết quả nghiên cứu cho thấy người đưa ra đánh giá nhân vật trẻ em trong truyện tranh tiếng Việt trong phần lớn các trường hợp là người lớn. Đặc biệt là, những người lớn xung quanh trẻ (có thể quen biết hoặc là người lạ) là những người đưa ra đánh giá nhiều nhất về trẻ em. Trong số các đánh giá về nhân

vật trẻ em, có gần $\frac{1}{2}$ các đánh giá là tích cực và những đánh giá tích cực về trẻ em ở nhiều khía cạnh khác nhau như tính cách ngoan, giỏi hay không ích kỉ; về hành vi như *đúng, tốt, đẹp, kiên nhẫn, vui vẻ, ...*; và ngoại hình như *xinh xắn*.

3.1.1.2. Tính ngữ thể hiện nhân vật trẻ em thuộc tiểu mục Đánh giá trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Anh

Một điểm đặc biệt của các tính ngữ miêu tả nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Anh là ngữ cảnh khá nhất quán và hầu hết (92%) là những đánh giá tích cực về nhiều khía cạnh khác nhau của nhân vật trẻ em. Về các khía cạnh đánh giá, có thể thấy nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Anh được đánh giá về tính cách (66%), gấp hơn 2 lần những đánh giá về hành vi (32%), và chỉ có 1 đánh giá về ngoại hình và do chính nhân vật trẻ em đánh giá mình. Về nguồn thẩm định, nghiên cứu cho thấy người đưa ra phần lớn (70%) các đánh giá về nhân vật trẻ em chính là những bạn nhỏ trong truyện, chiếm 35 lần; hơn đối tượng đưa đánh giá nhiều thứ 2 là người lớn gần 4 lần. Bạn bè và tác giả cũng chỉ đưa ra số lần đánh giá đối tượng trẻ em ở mức khiêm tốn, từ 2 đến 4 lần. Kết quả này cho thấy sự chủ động và tự định hướng của trẻ em trong truyện tiếng Anh rất cao. Các em tự đánh giá được những hành vi, cũng như hiểu được tính cách của mình. Và những người lớn trong truyện (bao gồm cha mẹ, ông bà, tác giả và người lớn khác) rất hạn chế đánh giá trẻ em.

3.1.1.3. Đối chiếu tính ngữ thể hiện nhân vật trẻ em thuộc tiểu mục Đánh giá trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh

Điểm khác nhau rõ ràng là trong khi các nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Anh hầu hết được đánh giá tích cực, các nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Việt được đánh giá tiêu cực hơn rất nhiều. Về đối tượng đưa ra đánh giá, nếu như trong tiếng Việt, trẻ em thường bị đánh giá bởi người lớn tuổi hơn mình (bố mẹ, ông bà, anh và người lớn khác) thì trẻ em lại là người đánh giá chính mình trong các tác phẩm tiếng Anh.

3.1.2. Động ngữ thể hiện nhân vật trẻ em thuộc tiểu mục Tác động trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh

3.1.2.1 *Động ngữ thể hiện nhân vật trẻ em thuộc tiểu mục Tác động trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt*

Trong khối liệu tiếng Việt được phân tích, những động ngữ đánh giá tương đối nhiều về số lượng và phong phú về sắc thái cũng như ngữ cảnh xuất hiện. Một điểm tương đối nổi bật trong những động ngữ thuộc tiểu mục này là những đánh giá về hành vi của trẻ tương đối tiêu cực, chiếm 75%, gấp 3 lần những động ngữ tác động mang tính tích cực, chỉ chiếm 25%. Trong khối liệu tiếng Việt được nghiên cứu, những động ngữ thể hiện phản ứng của cảm xúc khá phong phú, gồm đủ 4 loại tác động trong đó phổ biến nhất phải kể đến tiểu mục *Sự hạnh phúc/ không hạnh phúc*, chiếm gần 60%, *Sự hài lòng/ không hài lòng* chiếm hơn 1/4, và *Sự mong muốn/ miễn cưỡng* và *Sự an toàn/ bất an*, chiếm hơn 8%. Về người đưa ra đánh giá hành vi của nhân vật trẻ em, trong truyện tranh tiếng Việt trong phần lớn các trường hợp người lớn là người đưa ra thẩm định, chiếm 68 lần (chiếm gần 60%), gấp gần 3 lần những đánh giá ngữ bản thân nhân vật này (21%) và gấp hơn 2 lần đánh giá ngữ anh chị em (20%).

3.1.2.2. *Động ngữ thể hiện nhân vật trẻ em thuộc tiểu mục Tác động trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Anh*

Trong khối liệu tiếng Anh những động ngữ thuộc tiểu mục Tác động thể hiện các phản ứng tích cực chiếm đa số, với hơn 4/5 số động ngữ thuộc tiểu mục được khảo sát và gấp hơn 4,5 lần so với những động ngữ thể hiện phản ứng tiêu cực. Trong số các động ngữ này, những động ngữ thuộc nhóm *Sự hạnh phúc/ sự không hạnh phúc* chiếm 60%. Đối tượng đưa ra thẩm định trong khối liệu tiếng Anh là nhân vật trẻ em tự đánh giá các hành động của chính mình, chiếm 62,5%.

3.1.2.3. *Đối chiếu động ngữ thuộc tiểu mục Tác động trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh*

Điểm giống nhau: Động ngữ thuộc tiểu mục Tác động tương

đối phong phú trong cả 2 khối liệu, và phần lớn thuộc tiểu mục *Sự hạnh phúc/ không hạnh phúc*, với mức hơn 60%. Và người đưa ra thẩm định chính về hành vi của trẻ đều là tác giả và bản thân nhân vật trẻ em.

Điểm khác nhau: xét về tính tích cực, tiêu cực của động ngữ thuộc tiểu mục này, trong khi tiếng Việt dùng nhiều động ngữ gây cảm xúc tiêu cực, chiếm 75%, gấp 3 lần những động ngữ mang tính tích cực, ngữ liệu tiếng Anh lại chủ yếu dùng những động ngữ mang lại cảm xúc tích cực, chiếm hơn 80%, gấp 4,5 lần so với những động ngữ gây các phản ứng tiêu cực. Tiểu mục động ngữ này cho thấy sự khác biệt rõ nét nhất trong ngữ liệu tiếng Việt và tiếng Anh chính là những ngữ thuộc tiểu mục *Sự an toàn/ bất an*. Nếu như trong tiếng Anh có rất nhiều lượt thể hiện, có nhiều ngữ thể hiện sự an toàn (31 lượt) thì tiếng Việt thì không có ngữ nào để miêu tả cảm giác này của nhân vật trẻ em.

3.2. Hình ảnh đánh giá Nhân vật trẻ em trong truyện tranh tiếng Việt và tiếng Anh

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong khi nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Anh khá gần gũi, thân mật với người đọc, chiếm hơn 2/3, nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Việt có xu hướng tách rời/ xa cách và giữ khoảng cách xã giao với người đọc/ xem, chiếm hơn 4/5. Một điểm nổi bật nữa là nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Việt và tiếng Anh, phần lớn đều được nhìn ngang hàng với tầm mắt người đọc, thể hiện thái độ tôn trọng, ngang hàng với độc giả. Tuy nhiên, trẻ em trong truyện tranh tiếng Việt bị phán xét nhiều hơn (với 33,1% góc nhìn từ trên xuống), gấp hơn 10 lần so với những nhân vật này trong truyện tranh tiếng Anh (chỉ 3,1%). Hình ảnh đánh giá nhân vật trẻ em cho thấy góc nhìn/ đánh giá của người đọc/ xem với nhân vật này trong ngữ liệu nghiên cứu.

3.3. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và hình ảnh nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh

3.3.1. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và hình ảnh nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt

Nghiên cứu cho thấy, trong phần lớn các mối quan hệ giữa hình ảnh và ngôn từ thuộc mục *Tăng cường* và *Phóng chiếu*, chiếm 46%, phần hình ảnh minh họa tương đối chi tiết cho ngôn từ, ngoài ra còn có các bóng thoại giúp người đọc hiểu rõ hơn tính cách nhân vật. Loại quan hệ phổ biến thứ 2 giữa ngôn ngữ đánh giá và hình ảnh trong truyện tranh tiếng Việt là *Khai triển*, xuất hiện 49 lượt, chiếm gần 1/3.

3.3.2. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và hình ảnh nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Anh

Với ngữ liệu tiếng Anh, mối quan hệ phổ biến nhất giữa ngôn từ và hình ảnh là *Khai triển*, xuất hiện 100 lượt và chiếm 50,6%. Phần lớn hình ảnh nhằm minh họa và làm rõ thêm cho nội dung ngôn từ. Phổ biến thứ 2 là Sự tăng cường và Phóng chiếu, chiếm hơn ¼ số lượng tranh khảo sát. Tiếp đó là quan hệ Mở rộng, chỉ chiếm gần 16%. Và cuối cùng, những trang truyện mà tranh và ngôn từ không hỗ trợ hoặc không có tranh khá hiếm, chỉ 9 lần, tương đương gần 5%.

3.3.3. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và hình ảnh nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh

Điểm giống nhau: ngôn từ và hình ảnh trong cả 2 khối liệu phần lớn là có mối quan hệ bổ sung cho nhau để tạo nên 1 câu chuyện có nghĩa. Và liên kết phổ biến trong cả 2 ngữ liệu này đều là *Khai triển*, *Mở rộng*, và *Sự tăng cường* và *phóng chiếu*. Trong ngữ liệu nghiên cứu ở cả tiếng Việt và tiếng Anh đều không có ngôn ngữ đánh giá và hình ảnh đánh giá nào thuộc nhóm *Dị biệt* (mang tính mỉa mai, châm biếm). Mỗi liên kết logic *Mở rộng* cũng được sử dụng trong cả ngữ liệu tiếng Việt và tiếng Anh, tuy nhiên trong truyện tranh tiếng Anh, phần lớn các liên kết thuộc mục này là *Tăng cường* (23 lượt) thì mối quan hệ *Tăng cường* và *Phân phối* giữa ngôn từ và hình ảnh trong

ngữ liệu tiếng Việt lần lượt là 8 và 13 lượt mỗi loại. Điều này cho thấy sự khác nhau trong khi dùng hình ảnh để mở rộng cho ngôn từ trong văn bản tiếng Việt và tiếng Anh. Nếu như trong truyện tiếng Anh, cách mở rộng chủ yếu là. Dùng hình ảnh để tăng cường thêm cho ý nghĩa của ngôn từ, thì trong tiếng Việt, để mở rộng cho ngôn từ, tác giả thường tăng cường nội dung hoặc miêu tả quá trình phát triển, biến đổi bên trong hoặc bên ngoài qua một chuỗi những hình ảnh thể hiện sự thay đổi của tham thể.

Điểm khác nhau: loại mối quan hệ phổ biến nhất trong tiếng Anh là *Khai triển*, nghĩa là hình ảnh đóng vai trò minh họa, làm rõ cho ngôn từ thì với tiếng Việt loại quan hệ phổ biến nhất là *Sự tăng cường* và *Phóng chiếu*. Điều này có nghĩa là để phát triển câu truyện và nhân vật, người Việt thường hay chọn mở rộng ý tưởng sang một ý liên quan mới, hoặc liên hệ ý đang được đề cập sang một thực thể, một sự việc hay một hiện tượng khác có liên quan về mặt ngữ nghĩa, hoặc giải thích rõ hơn cho diễn biến tâm lí nhân vật thông qua những bóng thoại thể hiện những suy nghĩ nội tâm. Ngược lại, truyện tranh tiếng Anh thường chọn khai triển, chi tiết hóa những tham thể hay quá trình họ đang trình bày. Nói cách khác, truyện tranh tiếng Anh có xu hướng chọn phân tích sâu những yếu tố họ đang đề cập để phát triển ý trong phát ngôn của mình hơn mở rộng ý theo hướng liên quan. Sự khác biệt trong mối liên hệ logic giữa ngôn từ và hình ảnh này là một bằng chứng thực nghiệm về sự khác nhau trong cách trình bày không chỉ là văn bản ngôn ngữ (ngôn bản) mà còn cả trong văn bản đa phương thức của truyện tranh tiếng Việt và tiếng Anh. Một điểm khác biệt nữa là cùng là thể hiện mối quan hệ *Sự tăng cường* và *Phóng chiếu*, truyện tiếng Việt có xu hướng cho nhân vật đưa ra các bóng thoại để làm rõ hơn suy nghĩ và nội tâm của nhân vật thì truyện tiếng Anh, các bóng thoại thường là các phản ứng thực tế của các nhân vật trong những kích thích được đưa ra, giúp minh họa những điều mà các độc giả nhỏ tuổi có thể học hỏi hoặc thấy chính bản thân mình trong những tình

huống đó.

3.3. Tiểu kết

Kết quả phân tích ngôn ngữ nhân vật trẻ em trong truyện tranh cho thấy về tính tích cực/ tiêu cực của các đánh giá nhân vật, trong khi các nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Anh hầu hết (hơn 90%) được đánh giá tích cực, trong khi đó các nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Việt được đánh giá tiêu cực hơn rất nhiều. Về đối tượng đưa ra đánh giá trẻ em, nếu như trong tiếng Việt, trẻ em thường bị đánh giá bởi người lớn tuổi hơn mình (bố mẹ, ông bà, anh và người lớn khác như hàng xóm và tác giả) thì trẻ em lại là người đánh giá chính mình trong các tác phẩm tiếng Anh.

Những phân tích hình ảnh nhân vật trẻ em dựa trên góc nhìn cho thấy trong khi nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Anh khá gần gũi, thân mật với người đọc, nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Việt có xu hướng tách rời/ xa cách và giữ khoảng cách xã giao với người đọc/xem. Một điểm nổi bật nữa là nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Việt và tiếng Anh, phần lớn đều được nhìn ngang hàng với tầm mắt người đọc, thể hiện thái độ tôn trọng, ngang hàng với độc giả. Tuy nhiên, trẻ em trong truyện tranh tiếng Việt bị phán xét nhiều hơn (với 33,1% góc nhìn từ trên xuống), gấp hơn 10 lần so với những nhân vật này trong truyện tranh tiếng Anh (chỉ 3,1%).

Điểm giống nhau: mối quan hệ phổ biến nhất trong tiếng Anh là *Khai triển*, nghĩa là hình ảnh đóng vai trò minh họa, làm rõ cho ngôn từ thì với tiếng Việt loại quan hệ phổ biến nhất là *Sự tăng cường* và *Phóng chiếu*. Ngược lại, truyện tranh tiếng Anh thường chọn khai triển, chi tiết hóa những tham thể hay quá trình họ đang trình bày. Nói cách khác, truyện tranh tiếng Anh có xu hướng chọn phân tích sâu những yếu tố họ đang đề cập để phát triển ý trong phát ngôn của mình hơn mở rộng ý theo hướng liên quan. Một điểm khác biệt nữa là truyện tiếng Việt có xu hướng cho nhân vật đưa ra các bóng thoại để làm rõ hơn suy nghĩ và nội tâm của nhân vật trong khi sử dụng hình ảnh để

Tăng cường và Phóng chiếu, thì truyện tiếng Anh, các bóng thoại thường là các phản ứng thực tế của các nhân vật trong những kích thích được đưa ra.

KẾT LUẬN

1. Những kết quả nghiên cứu chính

Luận án phân tích ngôn ngữ và hình ảnh thể hiện và đánh giá nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh ở những nội dung chính như: ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em, ngôn ngữ đánh giá và góc nhìn đánh giá nhân vật trẻ em và mối quan hệ giữa ngôn ngữ đánh giá và hình ảnh đánh giá, từ đó rút ra được những kết quả đáng chú ý như sau:

Câu hỏi nghiên cứu số 1: Đặc điểm ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh là gì?

1.1. Ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh.

Những phân tích về động ngữ và tính ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong khối liệu tiếng Việt và tiếng Anh cho thấy ngôn ngữ miêu tả nhân vật này được dùng khá dày đặc về tuân suất nhưng chưa thật sự phong phú số lượng ngữ và sắc thái biểu cảm. Phần lớn các ngữ được dùng trung tính hoặc mang tính tích cực. Điểm giống nhau nổi bật nhất có thể kể đến là ngôn ngữ được sử dụng để miêu tả ngoại hình, hành động và trạng thái, cảm xúc, tính cách khá giống nhau trong cả hai khối liệu. Ngoài hiện tượng phong phú về các sắc thái biểu cảm, ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong khối liệu tiếng Việt cũng thể hiện thông qua hàm ngôn hơn là hiển ngôn với nhiều hiện tượng ngữ láy, thì khối liệu tiếng Anh cho thấy ngôn ngữ khắc hoạ nhân vật này mang tính hiển ngôn, trực tiếp và rõ ràng.

Có sự khác biệt như vậy trong ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Việt và tiếng Anh là do sự khác biệt về văn hóa và cụ thể là do sự khác biệt trong quan điểm về giáo dục trẻ ở hai nền

văn hóa. Thực chất, văn hoá cá nhân, như văn hoá Mỹ và Canada, quan tâm đến các từ ngữ mang tính chất tôn vinh, ngợi khen; còn người Việt, theo văn hoá tập thể, thiên về các từ ngữ mang tính chất phê phán khi mô tả kiểu nhân vật trẻ em. Kiểu xã hội tập thể cho phép người lớn đưa ra những phán xét với trẻ, và có xu hướng gọi cho trẻ nhận thấy hành vi sai trái, đáng xấu hổ, từ đó định hướng nhận thức và có hành vi sửa sai.

Câu hỏi nghiên cứu số 2: Ngôn ngữ đánh giá và hình ảnh đánh giá nhân vật trẻ em được thể hiện như thế nào trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh?

1.2. Ngôn ngữ đánh giá và hình ảnh đánh giá nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh.

Một nội dung chính của luận án là ngôn ngữ đánh giá nhân vật trẻ em. Khi phân tích động ngữ tác động và tính ngữ đánh giá nhân vật trẻ em dựa trên Thuyết đánh giá của Martin và White (2005) trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh như trên có thể thấy nhiều điểm giống và khác nhau nổi bật. Điểm khác nhau là các nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Anh hầu hết (hơn 90%) được đánh giá tích cực, trong khi đó các nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Việt được đánh giá tiêu cực hơn rất nhiều (hơn 50%). Điều này phần nào phản ánh văn hóa khen/ chê của các nước có nền văn hóa cá nhân (như Mỹ và Canada) và các nước có nền văn hóa tập thể (như Việt Nam). Một trong những nguyên nhân quan trọng hàng đầu là quan điểm về sự ám áp và tình cảm của cha mẹ thể hiện qua lời nói. Như đã thảo luận ở chương 1, sự ám áp và thể hiện tình cảm của cha mẹ bị chi phối nhiều bởi bối cảnh. Ở các xã hội trọng cá nhân, như Mỹ và Canada, cha mẹ thường thể hiện sự ám áp này thể hiện qua lời nói với những lời yêu thương, nhận xét tích cực hoặc khơi gợi với những hành vi chưa phù hợp. Trong khi đó, ở các nền văn hóa trọng tập thể, như Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam, sự thể hiện tình cảm của cha mẹ đối với con cái được cho là làm suy yếu quyền lực của cha mẹ cũng như tổ chức

phân cấp và độc đoán của gia đình, trong đó con cái phải thể hiện sự tôn trọng và vâng lời (Chao, 1995; Cheah và Li, 2010; Chen, 2010; Ho, 1986). Hay nói cách khác, trong xã hội trọng tập thể, cha mẹ xa cách có thể tạo ra quyền lực và khiến con cái nghe lời. Vì vậy, cha mẹ và người lớn trong các xã hội tập thể có xu hướng nhận xét tiêu cực (*Con làm như vậy là ích kỉ*), tập trung vào những việc chưa làm được của trẻ (*Con làm sai rồi*). Với cha mẹ và người lớn trong xã hội tập thể, việc nhận xét trực tiếp và theo hướng tiêu cực một phần thể hiện quyền lực cao của người lớn, và cũng chính là thể hiện sự quan tâm, chăm sóc và dạy dỗ trẻ.

Một điểm đặc biệt thú vị nữa là sự khác nhau hoàn toàn trong đối tượng đưa ra đánh giá trẻ em trong hai loại truyện này. Nếu như trong truyện tranh tiếng Việt, trẻ em thường bị đánh giá bởi người lớn tuổi hơn mình (bố mẹ, ông bà, anh và người lớn khác) thì trẻ em lại là người đánh giá chính mình trong các tác phẩm tiếng Anh. Điều này có thể giải thích như sau: trong các nền văn hóa phương Tây, cha mẹ hạn chế kiểm soát tâm lí vì những hành vi nuôi dạy con xâm phạm cảm xúc và suy nghĩ của trẻ thông qua việc gây ra cảm giác tội lỗi, xấu hổ và lo lắng, được cho là cản trở sự phát triển tính tự chủ và tự định hướng (Barber và Harmon, 2002). Tuy nhiên, kiểm soát hành vi, ám chỉ sự theo dõi, giám sát của cha mẹ đối với hành vi của trẻ, thường được coi là hữu ích và cần thiết để trẻ học hỏi các chuẩn mực xã hội và kiểm soát hành vi của mình theo chuẩn mực xã hội với các cha mẹ của các nước văn hoá tập thể (Barber và Harmon, 2002; Stattin và Kerr, 2000). Thêm vào đó, việc kiểm soát, và chỉ dạy trẻ, trong văn hoá xã hội chính là một hình thức thể hiện sự ám áp, quan tâm. Ngược lại những cha mẹ không kiểm soát chặt chẽ và toàn diện hành vi và hoạt động của trẻ bị coi là vô trách nhiệm và thiếu năng lực, thể hiện sự thiếu tình cảm với trẻ hoặc kỹ năng nuôi dạy con chưa đầy đủ.

Về hình ảnh đánh giá nhân vật trẻ em, kết quả nghiên cứu dựa trên góc nhìn theo khung lí thuyết Ngũ pháp hình ảnh của Kress và

Van Leeuwen (2006) cho thấy trong khi nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Anh khá gần gũi, thân mật với người đọc, nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Việt có xu hướng tách rời/ xa cách và giữ khoảng cách xã giao với người đọc/ xem. Một điểm nổi bật nữa là nhân vật trẻ em trong truyện tiếng Việt và tiếng Anh, phần lớn đều được nhìn ngang hàng với tầm mắt người đọc, thể hiện thái độ tôn trọng, ngang hàng với độc giả. Tuy nhiên, trẻ em trong truyện tranh tiếng Việt bị phán xét nhiều hơn (với 33,1% góc nhìn từ trên xuống), gấp hơn 10 lần so với tỉ lệ tương ứng trong truyện tranh tiếng Anh (chỉ 3,1%). Điều này cũng một lần nữa cho thấy những tác giá trị văn hoá và niềm tin được thể hiện trong cách khắc hoạ nhân vật trẻ em qua việc thể hiện quyền lực của người lớn lên trẻ em. Cụ thể là, văn hoá trọng tập thể như văn hoá Trung Quốc và Việt Nam, người lớn có quyền lực cao với trẻ. Người lớn trong những xã hội này có thường xa cách và có quyền đưa ra phán xét trẻ em; ngược lại, trong văn hóa trọng cá nhân, người lớn có quyền lực thấp với trẻ, thường ngang hàng, thân mật và đồng hành. *Câu hỏi nghiên cứu số 03*: Mối quan hệ giữa ngôn từ và hình ảnh đánh giá nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh được thể hiện như thế nào?

1.3. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và hình ảnh đánh giá nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh.

Xét về mối quan hệ giữa ngôn từ đánh giá và hình ảnh đánh giá nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh theo phân loại *Khai triển*, *Mở rộng*, và *Sự tăng cường và phóng chiếu*, nghiên cứu cho thấy những điểm tương đồng và khác biệt rõ ràng giữa cách ngôn ngữ và minh hoạ bằng hình ảnh bổ sung và làm rõ cho nhau trong ngữ liệu tiếng Việt và tiếng Anh. Trong các tác phẩm tiếng Việt, hình ảnh minh hoạ thường là *Sự tăng cường* và *Phóng chiếu* cho ngôn từ; trong khi đó *Khai triển* là mối quan hệ phổ biến nhất trong ngữ liệu tiếng Anh. Với mối quan hệ *Mở rộng*, ngữ liệu tiếng Anh thường sử dụng cách liên kết *Tăng cường* (23 lượt) thì mối quan hệ *Tăng cường*

và *Phân phối* giữa ngôn từ và hình ảnh trong ngữ liệu tiếng Việt lần lượt là 8 lần và 13 lần mỗi loại. Kết quả phân tích mối quan hệ giữa ngôn ngữ và hình ảnh cho thấy tính chặt chẽ và tính liên kết cao giữa ngôn ngữ và hình ảnh trong 2 khối liệu nghiên cứu.

2. Những khuyến nghị của luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy những nội dung khắc họa trong truyện tranh tiếng Việt và tiếng Anh phù hợp với những giá trị văn hoá và thông điệp về những hành vi, phẩm chất và thái độ phù hợp của nhân vật trẻ em trong truyện nói riêng và của trẻ em trong xã hội nói chung. Tuy nhiên, chúng tôi thấy rằng về khía cạnh ngôn ngữ thể hiện và đánh giá, khoảng cách của nhân vật trẻ em với người đọc còn khá xa cách, và vai trò của người lớn (như gia đình, thầy cô và người lớn khác) chưa thật sự rõ ràng. Bên cạnh đó, hình ảnh đánh giá nhân vật trẻ em trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt được nghiên cứu trong luận án này cho thấy nhân vật này có xu hướng tách rời/ xa cách và giữ khoảng cách xã giao với người đọc/ xem và bị phán xét tiêu cực nhiều. Vì thế, chúng tôi khuyến nghị các tác giả và các nhà xuất bản tăng cường thể hiện hình ảnh nhân vật trẻ em một cách tích cực hơn, qua cả ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (tranh ảnh), để phù hợp với sự phát triển và thay đổi trong nuôi dạy trẻ em trong thời kì hội nhập. Trong đó, trẻ được khuyến khích tính tự chủ, tự tin, được tôn trọng và có sự đồng hành, hướng dẫn của người lớn.

Khuyến nghị cuối của luận án liên quan đến cách thầy cô và bố mẹ (người lớn) khai thác ngữ liệu đa phương thức này trong việc giáo dục trẻ em. Khi khai thác truyện tranh trong phạm vi lớp học và gia đình, những nhà giáo dục nên nhấn mạnh rằng thông qua việc hình ảnh nâng cao và phóng chiếu nội dung ngôn ngữ mà câu chuyện thể hiện trong truyện trở nên thu hút hơn với độc giả nhỏ tuổi, tạo điều kiện cho các em dễ hiểu và phát triển trình độ ngôn ngữ của trẻ. Mặc dù việc áp dụng đa phương thức trong lớp học ở Việt Nam dường như đang tập trung vào các phương tiện khác như video, phim và trang

web, những nguồn tài nguyên có thể truy cập miễn phí này như truyện tranh dường như vẫn chưa được sự quan tâm đúng mức của nhiều nhà giáo dục Việt Nam.

3. Hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu này chọn nghiên cứu trên 25 tác phẩm tiếng Việt và 27 tác phẩm tiếng Anh để có thể phân tích sâu nội dung và hình thức thể hiện sự đánh giá với những nhân vật trẻ em; nhưng cũng vì vậy mà kết quả nghiên cứu còn chưa đủ tính khái quát với việc khắc hoạ hình ảnh trẻ em nói riêng và những bài học ẩn chứa trong truyện tranh nói chung với các truyện tranh cho thiếu nhi hiện có trên thị trường. Nếu điều kiện cho phép, chúng tôi muốn mở rộng nghiên cứu với nhiều tác phẩm hơn nữa, và có thể nghiên cứu cả những tác phẩm đến từ các nền văn hoá tập thể khác (Trung Quốc, Hàn Quốc) và văn hoá cá nhân khác (Anh).

Ngoài việc mong muốn mở rộng đối tượng nghiên cứu, chúng tôi còn muốn mở rộng phạm vi nghiên cứu. Nếu như trong nghiên cứu này chúng tôi mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu ngôn ngữ thể hiện nhân vật trẻ em, tính ngữ đánh giá và động từ tác động lên nhân vật trẻ em trong phần ngôn từ, và góc đánh giá nhân vật trẻ em (trong phần hình ảnh), cũng như mối quan hệ giữa ngôn ngữ đánh giá và hình ảnh đánh giá, trong các nghiên cứu tiếp theo các tác giả muốn nghiên cứu thêm những khía cạnh khác của nghĩa liên nhân như *nhân xưng* (address), *khoảng cách xã hội* (social distance) và *mức độ tương tác của người đọc với tham thể trình diễn* (involvement) với cả phần ngôn từ và hình ảnh (Kress và Van Leeuwen, 2006).

Cuối cùng, để hiểu cách một nhân vật được xây dựng như thế nào, chúng tôi cũng dự định nghiên cứu nhân vật trẻ em trên cả nghĩa biểu ý (the representational meaning) qua nghiên cứu hành động, các tham thể và tổng thể; nghĩa văn bản/ bố cục (the compositional meaning) với các yếu tố bằng lời và hình ảnh; bên cạnh nghĩa liên nhân

(the interpersonal meaning) như trong luận án này.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Diệu Hà (2021), “Giới thiệu về cách tiếp cận diễn ngôn đa phương thức khi phân tích giao diện giữa hình ảnh và ngôn từ trong truyện tranh thiếu nhi”, *Tạp chí Khoa học* (66), tr. 101-108, ISBN 2354 – 1067
2. Nguyen Thi Dieu Ha (2023), “The portrayal of child characters in Vietnamese and English children’s picture books: a multimodal analysis”, *International Graduate Research Symposium*, University of Languages and International Studies, Vietnam National University, pp. 293-307 – ISBN 978-604-384-167-1
3. Nguyen Thi Dieu Ha (2023), “Prosocial behaviours in children’s picture books: A constrastive analysis of English and Vietnamese works”, “*Xu thế mới trong đào tạo tiếng Anh tại các trường đại học đa ngành và liên ngành*” (*Teaching English for specific purpose: perspective, polices and practices*), University of Languages and International Studies, Vietnam National University, pp. 246-254 - ISBN: 978-604-369-478-9.
4. Nguyen Thi Dieu Ha, Thai Quynh Trang (2023), “The relationship between texts and images in depicting child characters in Vietnamese and English children’s picture books”, “*Xu thế mới trong đào tạo tiếng Anh tại các trường đại học đa ngành và liên ngành*” (*Teaching English for specific purpose: perspective, polices and practices*), University of Languages and International Studies, Vietnam National University, pp. 270-280 - ISBN: 978-604-369-478-9.
5. Nguyễn Thị Diệu Hà (2023), Chủ đề chính trong truyện tranh thiếu nhi tiếng Việt và tiếng Anh: xét trên khía cạnh xã hội, *Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống* (12), tr.50-62, ISSN 0868 – 3409.
6. Nguyen Thi Dieu Ha (2024), “The interface of words and images in Vietnamese and English children’s picture books in depicting child characters”, *International Conference on Interdisciplinary Research in Linguistics and Language Education*, Hue University of Languages and International Studies, Hue University, pp. 804-816 - ISBN 978-604-489-031-9